TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30- 8 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ - Tự do - H phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1065/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1187/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị P, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trọng S, trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đào Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trọng S xây dựng H phúc với

nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị sống tại thôn Đ, xã A, huyện A, Hải Phòng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Tuy nhiên đến năm 2012 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh S không chịu làm gì, thường xuyên uống rượu say, bét rượu chửi đánh đuổi vợ con. Chị và gia đình đã khuyên can nhưng anh S không thay đổi cách sống nên chị đưa 02 con về xã A thuê nhà trọ ở và sống ly thân với anh S từ năm 2012 đến nay, hai bên không quan tâm đến nhau, chị không còn tình cảm với anh S, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trọng S.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Trọng S có 02 con chung là Nguyễn Trọng M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1994 và Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2000 hiện các con đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh Nguyễn Trọng S không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Nguyễn Trọng S thể hiện: Anh nhất trí với lời khai của chị P về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2012 thì vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng và chia sẻ với nhau. Anh có vui chơi bạn bè uống rượu, vợ chồng cãi nhau do không kìm chế anh có chửi, đánh chị P. Chị P đưa 02 con thuê nhà trọ ở và sống ly thân với anh từ năm 2012 đến nay. Vợ chồng anh mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng chị P không quay về chung sống với anh, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Trọng S nhất trí với chị P, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Trọng M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1994 hiện đã trưởng thành và Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2000. Ly hôn anh nhường chị P nuôi con Nguyễn Thị Lan H và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh Nguyễn Trọng S trình bày anh và chị Đào Thị P không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Đào Thị P có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Trọng S đã nhận thông báo thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Đào Thị P đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Trọng S không đến tham gia tố tụng tại phiên phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Đào Thị P được ly hôn anh Nguyễn Trọng S; về con chung: Chị P và anh S có 02 con chung là Nguyễn Trọng M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1994 và Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2000, hiện các con của anh chị đã trưởng thành chị P không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Chị P và anh S không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đào Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Nguyễn Trọng S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Trọng S.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị P và anh Nguyễn Trọng S xây dựng H phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 07 tháng 12 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh S không chịu lao động, nghiện rượu, kinh tế vợ chồng khó khăn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau, mặc dù được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị P đưa 02 con về xã A ở và sống ly thân với anh S từ năm 2012 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu xác minh cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị P và anh S đã trầm trọng, kéo dài. Chị P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh S là có căn cứ, anh S có lời khai nhất trí ly hôn chị P nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Đào Thị P và anh Nguyễn Trọng S có 02 con chung là Nguyễn Trọng M, sinh ngày 22 tháng 11 năm 1994 và Nguyễn Thị Lan H, sinh ngày 19 tháng 7 năm 2000. Hiện các con của chị P và anh S đã trưởng thành, chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị Đào Thị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Đào Thị P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Đào Thị P được ly hôn anh Nguyễn Trọng S.

2. Về án phí: Chị Đào Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016788 ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị P đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Đào Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Nguyễn Trọng S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn